TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/KDTM - ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2023
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Trí, ông Nguyễn Văn Hồng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST- KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2023/QĐST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ1; địa chỉ: B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N – Chức vụ: Phó Giám đốc Khối quản lý & Tái cấu trúc tài sản (theo giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ1); địa chỉ liên hệ: Lầu M, số B L, Phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Tấn Đ – Chức vụ: Giám đốc khách hàng doanh nghiệp và ông Lê Hoàng G – Chức vụ: Chuyên viên Tố tụng – Phòng quản lý khách hàng doanh nghiệp; địa chỉ: Ngân hàng TMCP Đ1 lầu M, số B L, Phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số 6744/UQ-PVB ngày 18/8/2022 của ông Nguyễn Hoàng Trung N); (tại phiên tòa ông Lê Hoàng G có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên T1; địa chỉ: số A, Tổ A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang;

Đại diện theo pháp luật: Bà Dương Kim B – Chức vụ: Giám đốc; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Huỳnh Thanh G1, sinh năm 1975; địa chỉ: số E đường H, Khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số H T, Khóm F, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hoàng G đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, ngày 30/9/2016, Công ty TNHH Một thành viên T1 (sau đây gọi tắt là Tấn Hiệp L1) và Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh G3 – PGD Hoàng Văn T (sau đây gọi tắt là P) đã ký Hợp đồng cho vay số 4308/2016/HĐTD/PVB-DN.HVT và khế ước nhận nợ số KUNN 01/2016/THL ngày 30/9/2016, số tiền vay 620.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay: vay mua ô tô Toyota Corolla Altis 1.8G, 05 chỗ, phục vụ đi lại; lãi suất vay: cố định trong 06 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đến hết 31/3/2017 là 8%/năm. Sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên: Lãi suất cho vay = LS12 + biên độ 3,5%/năm (LS12 là lãi suất tiết kiệm "Tiền gửi Đại Chúng" lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 12 tháng theo biểu lãi suất huy động của P công bố từng thời kỳ). Hợp cho vay thỏa thuận trả gốc và lãi tương ứng theo từng kỳ, khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tương ứng từng kỳ, thì Ngân hàng sẽ chuyển khoản nợ gốc, lãi theo kỳ quá hạn theo thỏa thuận.

Để bảo đảm khoản vay, Tấn Hiệp L1 đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại: COROLLA G ZRE172L-GEXGKH, màu bạc, số khung: RL4BU9HEXG7510893, số máy 2ZRX591749, biển kiểm soát 67A-055.95, thuộc quyền sở hữu của Tấn Hiệp L1, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010983 do Công an tỉnh A cấp ngày 30/9/2016, được thế chấp tại P theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 4308/2016/HĐBĐ/PVP-DN.HVT ngày 30/9/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Tấn Hiệp L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thảo thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. P đã nhiều lần làm việc, tạo điều kiện để Tán Hiệp L2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn tiếp tục vi phạm cam kết, không thanh toán nợ vay cho P.

Vì vậy, P yêu cầu:

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên T1 thanh toán cho P số tiền 1.017.453.987đồng (trong đó 535.559.365đồng nợ gốc; 481.984.622đồng nợ lãi) tạm tính đến ngày 28/7/2022.

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên T1 thanh toán phần nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 4308/2016/HĐTD/PVB-DN.HVT ngày 30/9/2016, kể từ ngày 29/7/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH Một thành viên T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo dảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ.

Tài sản là xe ô tô hiệu TOYOTA, số loại: COROLLA G ZRE172L-GEXGKH, màu bạc, số khung: RL4BU9HEXG7510893, số máy 2ZRX591749, biển kiểm soát 67A-055.95, thuộc quyền sở hữu của Tấn Hiệp L1, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010983 do Công an tỉnh A cấp ngày 30/9/2016, được thế chấp tại P theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 4308/2016/HĐBĐ/PVP-DN.HVT ngày 30/9/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

- Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Một thành viên T1 đối với Ngân hàng TMCP Đ1. Nếu số tiền thu đợc từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH Một thành viên T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1.

- *Đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1, do bà Dương Kim B đại diện công ty trình bày:* thống nhất theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn, xác định ngày 30/9/2016, Công ty TNHH Một thành viên T1 (sau đây gọi tắt là Tấn Hiệp L1) và Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh G3 – PGD Hoàng Văn T (sau đây gọi tắt là P) đã ký Hợp đồng cho vay số 4308/2016/HĐTD/PVB-DN.HVT và khế ước nhận nợ số KUNN 01/2016/THL, số tiền vay 620.000.000đồng. Quá trình vay, Tấn Hiệp L1 có trả được 06 kỳ nợ gốc, lãi (06 tháng) cho P.

Để đảm bảo khoản vay này Tấn Hiệp L1 có thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại: COROLLA G ZRE172L-GEXGKH, màu bạc, số khung: RL4BU9HEXG7510893, số máy 2ZRX591749, biển kiểm soát 67A-055.95, thuộc quyền sở hữu của Tấn Hiệp L1, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010983 do Công an tỉnh A cấp ngày 30/9/2016, được thế chấp tại P theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 4308/2016/HĐBĐ/PVP-DN.HVT ngày 30/9/2016, bà đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1 là phát mãi tài sản.

Đối với tài sản là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại: COROLLA G ZRE172L-GEXGKH, màu bạc, số khung: RL4BU9HEXG7510893, số máy 2ZRX591749, biển kiểm soát 67A-055.95 hiện nay Tấn Hiệp L1 không còn quản lý xe này; bà B cho rằng, xe này Công ty T1 mua giúp cho ông Lương

Huỳnh Thanh G1, Tấn Hiệp L1 chỉ là đứng tên giúp, nhưng đại diện Công ty T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc giao xe cho ông G1 và chứng minh được hiện nay xe này do ông G1 đang sử dụng. Việc vào thời điểm mua xe ông G1 là người đưa tiền cho chồng bà, chồng bà đưa lại cho bà để trả trước 30% giá trị xe khi mua, khi ông G1 giao tiền không có chứng từ giao tiền cho Tấn Hiệp L1, toàn bộ giao dịch mua xe đều thực hiện chuyển từ tài khoản của Tấn Hiệp L1 vào tài khoản của Công ty Cổ phần T2 với số tiền là hơn 200.000.000 đồng, khi mua xe bản thân bà là người ký hợp đồng mua xe với tư cách đại diện T vào ngày 30/9/2023, đồng thời cùng ngày này, ký kết Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cho vay đối với P, nên việc P đề nghị phát mãi tài sản bà đồng ý, nhưng đề nghị xem xét giảm lãi, miễn lãi và đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Huỳnh Thanh G1 tại bản tự khai đề ngày 06/3/2023 và 20/3/2023 trình bày:

Giữa ông và Công ty TNHH Một thành viên T1 không có bất kỳ thỏa thuận nào liên quan đến việc mua xe dùm, đối với tài sản xe TOYOTA, số loạ: COROLLA G ZRE172L-GEXGKH, màu bạc, số khung: RL4BU9HEXG7510893, số máy 2ZRX591749, biển số 67A-055.95 như người đại diện của Công ty TNHH Một thành viên T1 trình bày, từ trước đến nay ông không sử dụng, quản lý xe này. Như vậy, ông không có bất kỳ liên quan gì đến tài sản của Công ty TNHH Một thành viên T1, ông khẳng định không có việc nhờ bà B đứng tên mua xe ô tô.

Người làm chứng bà Nguyễn Hồng L3 trình bày:

Bà là em cô cậu ruột của bà Dương Kim B, vào thời điểm không nhớ chính xác năm nào, khoảng thời gian từ khi chị B kêu đi chơi cùng mua xe đến nay là bao lâu bà không nhớ, thời điểm này chị B có kêu bà đi cùng lên Thành phố Hồ Chí Minh, …bà chỉ biết là việc giao dịch mua xe là do chị B thực hiện, còn việc ký kết hợp đồng mua xe như thế nào bà không biết, việc bà B cho rằng mua cho anh G1 là loại xe gì, màu gì thì bà không biết.

Tại phiên tòa:

- Đại diện P trình bày yêu cầu khởi kiện như nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện, công nhận các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là đúng, không bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác; tại phiên tòa xác định theo bảng kê tính lãi tạm tính đến ngày 28/6/2023, Công ty T1 còn nợ tổng số tiền là 1.104,362.472 đồng (trong đó: Nợ gốc: 535.559.365 đồng, lãi chậm trả trên gốc quá hạn là 365.687.358 đồng, lãi chậm trả trên lãi quá hạn là 64.908.044 đồng), xác định quá trình vay Tấn Hiệp L1 đã thanh toán một phần nợ gốc là 84.440.635 đồng, tổng nợ lãi là 30.552.317 đồng; từ ngày 20/6/2017 không thực hiện trả nợ. Tại phần bắt đầu thủ tục phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi chậm trả trên lãi quá hạn là 64.908.044 đồng. Xác định

số tiền Tấn H lại phải trả là 1.039.454.428 đồng (trong đó trong đó: Nợ gốc: 535.559.365 đồng, lãi chậm trả trên gốc quá hạn là 365.687.358 đồng), tạm tính đến ngày 28/6/2023. Tại phần tranh luận đại diện P không tham gia phần tranh luận.

- Đại diện Tấn Hiệp L1, bà Dương Kim B xác nhận có ký hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, công nhận số nợ tạm tính đến ngày 28/6/2023 như đại diện P đã trình bày; công nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, không đề nghị bổ sung tài liệu, chứng cứ khác, không yêu cầu Tòa án phải thu thập tài liệu, chứng cứ, không yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng khác, đồng ý thanh toán nợ cho P, nhưng đề nghị giảm lãi, miễn lãi. Đối với tài sản thế chấp bà vẫn xác định như lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Huỳnh Thanh G1 vắng mặt lần thứ 2, nên đề nghị xét xử vắng mặt ông G1 theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ1 với Công ty TNHH MTV T1; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1; buộc Công ty TNHH MTV T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 1.039.454.428 đồng (trong đó trong đó: Nợ gốc: 535.559.365 đồng, lãi chậm trả trên gốc quá hạn là 365.687.358 đồng), tạm tính đến ngày 28/6/2023. Công ty TNHH MTV T1 tiếp tục thanh toán lãi phát sinh trên hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi thanh toán xong nợ.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với lãi chậm trả trên lãi quá hạn với số tiền 64.908.044 đồng

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp xe ô tô biển số 67A-055.95 để đảm bảo thi hành án và Ngân hàng TMCP Đ1 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các 91, 94 Luật các Tổ chức tín dụng, các quy định của Bộ luật Dân sự xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Đ1 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cho vayđã ký kết, và đề nghị phát mãi tài sản để bảo đảm cho khoản vay. Hiện nay, mặc dù Công ty T1 đã bị thu giấy phép kinh doanh, nhưng vẫn chưa thực hiện giải thể doanh nghiệp, trụ sở của doanh nghiệp nay vẫn tại xã H, huyện C, tỉnh An Giang, nên xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g, h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Huỳnh Thanh G2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông G2.

[1.3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng: Ngân hàng ủy quyền cho Đ, ông G cùng tham gia tố tụng phù hợp với quy định tại Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa có mặt ông G, nên ông G có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đương sự, các quyết định của ông G nằm trong phạm vi ủy quyền, nên ông G có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc giao kết, thực hiện hợp đồng tín dụng: Giữa P với Tấn Hiệp L1, ngày 30/9/2016 đã ký kết hợp đồng cho vay số 4308/2016/HĐTD/PVB-DN.HVT và khế ước nhận nợ số KUNN 01/2016/THL. Quá trình thực hiện hợp đồng Tấn Hiệp L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng cho vay, nên P khởi kiện yêu cầu trả nợ vốn và lãi tính đến ngày 01/12/2022 là 1.042.414.784 đồng (vốn 535.559.483 đồng, lãi quá hạn 138.269.085 đồng, lãi phạt trên gốc quá hạn 311.695.297 đồng, lãi phạt trên lãi quá hạn 56.890.919 đồng), đồng thời tiếp tục chịu lãi, phí phạt chậm trả theo hợp đồng từ ngày 02/12/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Xét thấy, việc giao kết hợp đồng tại thời điểm giao kết bà B là đại diện theo pháp luật của Công ty T1, mặc dù tại thời điểm xét xử Công ty T1 đang trong giai đoạn giải thể, nhưng bà B xác định chưa gửi thủ tục giải thể Doanh nghiệp, nên nghĩa vụ của Doanh nghiệp vẫn phải thực hiện theo quy định tại Điều 207, 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Do người đại diện theo pháp luật của Tấn Hiệp L1, thống nhất về khoản vay, đồng ý thanh toán, nhưng đề nghị giảm lãi, miễn lãi. Tuy nhiên, đại diện P không đồng ý, theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng: tổ chức cho vay có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng…. Như vậy, việc Tấn Hiệp L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn, là đã vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký kết, P không đồng ý với yêu cầu về miễn, giảm lãi suất. Do vậy, Tấn Hiệp L1 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, lãi

quá hạn theo thỏa thuận và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử Công ty T3 lợi còn phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký kết.

[2.2]. Về phương thức tính lãi quá hạn của hợp đồng: tại khoản 2.1.2. *Điều 2 của Hợp đồng cho vay quy định "Lãi suất quá hạn: a) Bằng 150% Lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được; b) Bằng 100% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc chưa đến hạn nhưng phải chuyển thành nợ quá hạn…"* và theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP và quy định tại các điểm 2.1.1, 2.1.2 Điều 2 của Hợp đồng cho vay số 4308/2016/HĐTD/PVB-DN.HVT ngày 30/9/2016, các đương sự có thỏa thuận về cách tính lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất, với yêu cầu về tính lãi suất trong hạn, lãi phạt của lãi suất trong hạn là phù hợp, nên chấp nhận yêu cầu tính lãi. Riêng đối với yêu cầu tính lãi phạt trên lãi quá hạn tới thời điểm xét xử, với số tiền 64.908.044 đồng, đại diện P đã tự nguyện rút yêu cầu này, nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ xét xử theo quy định tại các Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm cho khoản tại Hợp đồng tín dụng, Công ty T1 đã thế chấp tài sản là xe ô tô biển số 67A-055.95 do Công ty TNHH MTV T1 đứng tên chủ sở hữu theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số 4308/2016/HĐBĐ/PVB-DN.HVT ngày 30/9/2016 giữa Tấn Hiệp L1 và P, hợp đồng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B là đại diện Tấn Hiệp L1 cho rằng, Công ty T1 chỉ mua xe ô tô biển số 67A-055.95 giúp cho ông Lương Huỳnh Thanh G1, cũng như không quản lý xe này, nhưng đại diện Tấn Hiệp Lợi không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao xe cho ông G1 sử dụng; mặt khác ông G1 cũng xác định không quản lý, sử dụng xe này, đến nay xe này vẫn đứng tên Tấn Hiệp L1. Ngoài ra, tại văn bản số 29/PC08-ĐK ngày 06/01/2023 của Phòng CSGT đường bộ, Công an tỉnh A xác định, qua tra cứu thì xe hiện nay vẫn đứng tên Tấn Hiệp L1, hồ sơ xe ô tô con hiện do Phòng C quản lý, quá trình xác định tài sản vay giữa đại diện P và Tấn Hiệp L1, xác định tài sản này vẫn do Tấn Hiệp L1 quản lý.

Do đó, không có cơ sở xác định việc ông G1 đang sử dụng xe như đại diện Tấn Hiệp L1 đã trình bày. Cho nên, yêu cầu tiếp tục duy trì tài sản thế chấp, đồng thời thực hiện phát mãi tài sản theo quy định tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 4308/2016/HĐBĐ/PVP-DN.HVT ngày 30/9/2016 đối với xe ô tô biển số 67A-055.95 của P đã được đăng ký bảo đảm đúng quy định là phù hợp theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự và Điều 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, yêu cầu của P thể hiện tại đơn khởi kiện là phù hợp, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận.

[2.4] Về án dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1 được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải chịu án phí tương ứng với số tiền mà Ngân hàng TMCP Đ1 được chấp nhận theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo Bản án, quyết định của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 275, 280, 293, 320 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 94 Luật các Tổ chức tín dụng;

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 1.039.454.428 đồng *(một tỷ, không trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi bốn đồng, bốn trăm hai mươi tám đồng)* (trong đó: nợ gốc: 535.559.483 đồng, lãi quá hạn 138.207.805 đồng; lãi chậm trả trên gốc quá hạn 365.687.258 đồng), tạm tính đến ngày 28/6/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo

quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Tiếp tục duy trì tài sản theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 4308/2016/HĐBĐ/PVP-DN.HVT ngày 30/9/2016. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ.

Tài sản là xe ô tô hiệu TOYOTA, số loại: COROLLA G ZRE172L-GEXGKH, màu bạc, số khung: RL4BU9HEXG7510893, số máy 2ZRX591749, biển kiểm soát 67A-055.95, thuộc quyền sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010983 do Công an tỉnh A cấp ngày 30/9/2016, được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ1 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 4308/2016/HĐBĐ/PVP-DN.HVT ngày 30/9/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

- Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và nghĩa vụ trả nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 đối với Ngân hàng TMCP Đ1. Nếu số tiền thu đợc từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 21.261.000 đồng *(hai mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0012601 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền 43.183.633 đồng *(bốn mươi ba triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng)*, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 phải có nghĩa vụ nộp án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 *(mười lăm)* ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự,

tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên